TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Sức
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2023/QĐXXST- DS, ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C, có trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện P theo văn bản ủy quyền số 42/QĐ – NHCS ngày 06 tháng 6 năm 2022, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1972 nơi cư trú: Tổ G, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1970.
2. Ông Lê Châu T, sinh năm 1994.
Cùng trú tại: Trú tại: tổ G, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2023, và lời khai bà Nguyễn Ngọc N đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/10/2014 ông Lê Văn N1 đại diện cho hộ gia đình vay vốn tại phòng giao dịch NHCSXH huyện P cho sinh viên anh Lê Châu T đi học, chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 22.750.000đ, thời hạn trả nợ vay là 25/10/2019 lãi suất trong hạn là 0,6%/tháng và 0,55%/tháng đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 24/10/2022, lãi suất nợ quá hạn là 0,715%/tháng. Đối với khoản vay này hộ gia đình ông N1 còn nợ lại ngân hàng vốn là 22.750.000đ và tiền lãi 9.756.597 đồng (tạm tính đến ngày 28/4/2023). Tổng cộng vốn và lãi là 32.506.597 đồng.

Quá trình vay vốn đến thời gian trả nợ, thời gian cho gia hạn phía Ngân hàng đã nhiều lần đến nhà gặp gỡ đôn đốc, nhắc nhở gia đình ông N1, bà N2 và anh T thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng, nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ, mặc dù gia đình ông N1 có khả năng trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà N2, ông N1, anh Thanh vắng m, không ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà N đại diện cho Ngân hàng chính sách yêu cầu hộ gia đình ông N1, bà N2 và anh T cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 22.750.000đ, tiền lãi 10.097.152 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 32.847.152 đồng tính đến ngày 20 tháng 7 năm 2023.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N1, bà N2, anh Châu T trả cho ngân hàng C xã hội số tiền 32.847.152 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 22.750.000đồng, lãi là 10.097.152 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông N1, bà N2, anh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vay theo sổ vay vốn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt phiên tòa lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Giao dịch dân sự được thực hiện năm 2014 chưa được thực hiện xong mà có nội dung, hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C với Lê Văn N1(đại diện cho hộ gia đình) được xác lập theo hai giấy đề nghị vay vốn ngày 10/10/2014 số tiền vay 11.000.000 đồng, ngày 10/10/2015 số tiền vay 22.000.000 đồng, mục đích sử dụng vốn vay làm chi phí học tập, sau khi được phê duyệt ngày 25/10/2014 ông N1 đại diện hộ gia đình nhận 5.500.000 đồng, ngày 25/4/2015 nhận 5.500.000 đồng, ngày 25/10/2015 nhận 5.500.000 đồng đến ngày 05/3/2016 nhận 6.250.000 đồng thì ngưng không nhận tiền nữa, tổng cộng số tiền được giải ngân là 22.750.000 đồng.

[2.2] Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng đã ký kết Ngân hàng giải ngân cho ông N1.

Căn cứ các chứng cứ Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu gồm sổ vay vốn theo chương trình cho vay cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền 22.750.000đ vào ngày 25/10/2014 đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 24/10/2019 và giấy ủy quyền cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ của các thành viên trong hộ đối với các khoản vay nói trên. Tuy nhiên quá trình tố tụng các đương sự không có ý kiến gì đối với các chứng cứ này. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.3] Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với ông N1, bà N2, anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, theo đó hộ ông N1 đã nhận đủ số tiền vay của hai hợp đồng. Sau khi vay thì hộ ông N1 không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn theo hợp đồng đã ký. Ngân hàng đã tạo điều kiện đôn đốc, nhắc nhở và các đương sự có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

Vì vậy, buộc ông N1, bà N2, anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng đối với số tiền vốn còn nợ của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 22.750.000đ. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên tiền lãi trong hạn chuyển sang nợ quá hạn

Từ những cơ sở trên nghĩ nên buộc bà N2, ông N1 và anh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 20/7/2023 của hai hợp đồng tín dụng tổng cộng là 32.847.152 đồng.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 275, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà lê Thị N3, ông Lê Văn N1, anh Lê Châu Thanh

Buộc ông Lê Văn N1, bà Lê Thị N2 và anh Lê Châu T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay còn nợ 22.750.000 đồng và lãi phát sinh tính tính đến ngày 20/7/2023 là 10.097.152 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 32.847.152.000 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2023, ông Lê Văn N1, bà Lê Thị N2, anh Lê Châu T còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận sổ vay vốn theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ông Lê Văn N1, bà Lê Thị N2, anh Lê Châu T phải chịu án phí là 1.642.000 đồng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Trần Thế Văn